

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đăng Hùng và bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX - ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vương Văn T - Sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. *Bị đơn:* Chị Mã Thị Đ - Sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Vương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Mã Thị Đ vào ngày 09 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống tại thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Từ tháng 4 năm 2017, vợ chồng anh có mâu thuẫn d o quan điểm sống không đồng

thuận. Anh làm công tác xã hội (trưởng thôn) phải đi nhiều nên chị Đ nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác mặc dù thực tế không có, có lần anh tát chị Đ vì chị Đ đánh công an viên đến nhà giúp anh làm báo cáo. Đến tháng 3 năm 2018, chị Đ bỏ đi khỏi địa phương không giúp anh chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Nay, tình cảm của anh dành cho chị Đ không còn, anh yêu cầu được ly hôn chị Mã Thị Đ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là Vương Quốc T - sinh ngày 06/3/2015 và Vương Thị P - sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay, hai con đang ở với anh. Nếu được ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai đương sự lập ngày 17 tháng 7 năm 2019, bị đơn chị Mã Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Vương Văn T vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống, vợ chồng chị có phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp. Nhiều lần anh T đánh đập chị. Đến tháng 3 năm 2018, chị bỏ nhà đi làm ăn chỉ thỉnh thoảng mới về thăm con nhưng bị bố mẹ anh T ngăn cấm. Nay, chị xác định tình cảm của anh T dành cho chị không còn nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh T nên không chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai người con chung là Vương Quốc T, sinh ngày 06/3/2015 và Vương Thị P, sinh ngày 28/02/2017, hiện hai con đang ở với anh T. Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho mỗi con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị không có công việc ổn định, không có nhà riêng. Nếu được nuôi con, chị sẽ đi thuê nhà để có thể chăm sóc các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16/8/2019 và ngày 06/9/2019, Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cả hai lần chị Đ vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát huyện B phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên

đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật tổ tụng dẫn đến vụ án kéo dài.

- Về giải quyết vụ án: Vợ chồng anh T, chị Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị HĐXX:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Vương Văn T.

+ Về con chung: Giao hai con Vương Quốc T và Vương Thị P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thừa nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Vương Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Yêu cầu khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Đ đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng chị Đ không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Anh Vương Văn T và chị Mã Thị Đ đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều thừa nhận có mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị Đ thông qua việc lấy lời khai của trưởng thôn K, xã N (ông Vương Văn C), bố mẹ đẻ anh T (ông Vương Văn Th, bà Vy Thị Ph) và mẹ đẻ chị Đ (bà Lương Thị Th) được cung cấp anh T, chị Đ có mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Do đó, có căn cứ khẳng định, vợ chồng anh T, chị Đ có mâu thuẫn

do cách sống, tính cách không hợp, có đánh chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thể hiện từ tháng 3 năm 2018 đến nay hai người đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. HĐXX thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vương Văn T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Tình, chị Đ có hai người con chung là Vương Quốc T, sinh ngày 06/3/2015 và Vương Thị P, sinh ngày 28/02/2017. Hiện nay hai con đang ở với anh T. Các con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Trong quá trình tố tụng, chị Đ khai nhận hiện không có việc làm ổn định, không có nhà riêng. Anh T, chị Đ, ông C, ông Th, bà Ph đều khai từ tháng 3/2018 đến nay, chị Đ chỉ về thăm các con vài lần. Hơn nữa, hiện nay chị Đ không có mặt tại địa phương. Do đó, việc giao hai con cho anh Tình nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo sự phát triển của hai con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung : Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh T không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Vương Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Vương Văn T được ly hôn chị Mã Thị Đ.

2. Về con chung: Anh Vương Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Vương Quốc T, sinh ngày 06/3/2015 và Vương Thị P sinh ngày 28/02/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh Vương Văn T không yêu cầu chị Mã Thị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Mã Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Anh Vương Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu số 08707 lập ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- THADS huyện B;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Doanh